

CHÍNH PHỦ
Số: 86/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các hoạt động quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước, bao gồm di sản văn hóa ở vùng nước nội địa, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, công dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân) và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ di sản văn hoá dưới nước trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Di sản văn hóa dưới nước

1. Di sản văn hoá dưới nước là di sản văn hoá vật thể đang ở dưới nước có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học bao gồm: các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; các di tích, công trình xây dựng, địa điểm; di tích cổ nhân, cổ sinh vật có liên quan đến nguồn gốc của loài người, đã được con người sử dụng cùng với hiện trường tự nhiên và khảo cổ học xung quanh chúng.

2. Các đường ống, cống ngầm, cáp đặt, các thiết bị và công trình ngầm khác đang được sử dụng phục vụ cho đời sống của con người đặt ở dưới nước không được coi là di sản văn hoá dưới nước.

Điều 4. Nguyên tắc xác định sở hữu di sản văn hoá dưới nước

Việc xác định sở hữu di sản văn hoá dưới nước theo nguyên tắc sau:

1. Mọi di sản văn hoá dưới nước có nguồn gốc khác nhau tồn tại trong vùng nước nội địa, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam đều thuộc sở hữu của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Việc xác định quyền sở hữu đối với di sản văn hoá dưới nước có nguồn gốc Việt Nam nằm ngoài các vùng quy định tại khoản 1 Điều này thì căn cứ vào quy định của Luật Di sản văn hoá và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 5. Các hình thức sở hữu và sử dụng di sản văn hoá dưới nước

1. Nhà nước thống nhất quản lý di sản văn hoá dưới nước thuộc sở hữu toàn dân; công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu tư nhân và các hình thức sở hữu khác về di sản văn hoá dưới nước theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng di sản văn hoá dưới nước được thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hoá.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước đối với việc quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước

1. Động viên, khích lệ kịp thời việc nghiên cứu áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dưới nước.
2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai quật và bảo quản di sản văn hoá dưới nước theo quy định của pháp luật.
3. Xây dựng và phát triển ngành khảo cổ học dưới nước ở Việt Nam; xây dựng bảo tàng giới thiệu di sản văn hoá dưới nước.
4. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức có nghiệp vụ chuyên môn về di sản văn hoá dưới nước.
5. Đầu tư hoặc hỗ trợ kinh phí cho việc điều tra khảo sát, nghiên cứu, thăm dò, khai quật, bảo quản, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dưới nước.

Điều 7. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dưới nước
Hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dưới nước được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Di sản văn hoá, các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Bảo vệ chủ quyền quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.
3. Đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dưới nước.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước

1. Các cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước.
2. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước; tuyên truyền phổ biến pháp luật về di sản văn hoá dưới nước; ứng dụng

các thành tựu khoa học - công nghệ vào việc nghiên cứu, thăm dò, khai quật và bảo quản di sản văn hoá dưới nước.

Điều 9. Những hành vi bị nghiêm cấm

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Thăm dò, khai quật, mua bán, vận chuyển trái phép di sản văn hoá dưới nước.
2. Tự ý tìm kiếm, trục vớt làm sai lệch hoặc gây nguy cơ hủy hoại di sản văn hoá dưới nước.
3. Lợi dụng hoạt động nghiên cứu, thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người.
4. Cản trở hoạt động quản lý và bảo vệ di sản văn hoá dưới nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
5. Các hành vi khác được quy định tại Điều 13 Luật Di sản văn hóa.

Chương II

QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HOÁ DƯỚI NƯỚC

Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hoá dưới nước

1. Quản lý hoạt động nghiên cứu di sản văn hoá dưới nước; tiếp nhận thông tin về di sản văn hoá dưới nước; tiếp nhận hoặc thu hồi và bảo quản di sản văn hoá dưới nước do tổ chức, cá nhân phát hiện hoặc tự ý tìm kiếm.
2. Cấp phép thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy định của pháp luật.
3. Tổ chức và tiến hành các hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy định của Nghị định này; quản lý việc tổ chức giám định, đánh giá giá trị di sản văn hóa dưới nước do thu hồi, khai quật được và việc lập báo cáo khai quật; giải quyết các tranh chấp trong việc phát hiện, thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước.
4. Giải quyết quyền lợi của các bên liên quan đối với di sản văn hoá dưới nước sau thăm dò, khai quật bằng phương thức liên doanh, hợp đồng, hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý các hoạt động khác liên quan đến di sản văn hóa dưới nước theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý việc phát hiện di sản văn hoá dưới nước

1. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện được di sản văn hoá dưới nước có trách nhiệm giữ nguyên hiện trạng khu vực có di sản văn hóa dưới nước và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá thông tin hoặc cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải nơi gần nhất.

2. Khi cá nhân hoặc đại diện tổ chức đến thông báo về phát hiện di sản văn hoá dưới nước thì cơ quan nhà nước phải kịp thời cử người tiếp và ghi nhận đầy đủ các thông tin, đồng thời báo cáo ngay cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về văn hoá thông tin để tổ chức việc bảo vệ di sản văn hoá dưới nước đó.

Điều 12. Điều kiện tham gia thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước

1. Cơ quan, tổ chức của Việt Nam đủ điều kiện thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa (sau đây gọi là Nghị định số 92/2002/NĐ-CP), được ưu tiên trong việc xét chọn chủ trì thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước.

Trường hợp nhiều cơ quan, tổ chức Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này muốn tham gia thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước thì phải tổ chức đấu thầu.

Trình tự, thủ tục đấu thầu theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân của Việt Nam tham gia thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là đối tượng đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Di sản văn hoá và Điều 19 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP;

b) Có kinh nghiệm trong hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước;

c) Có đội ngũ nhân viên, trang thiết bị và khả năng tài chính đáp ứng yêu cầu của hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy mô của từng dự án;